TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-PT
Ngày: 27/5/2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Minh Thu;
Bà Đậu Thị Quy;

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Thanh Trà –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Ninh Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự `thụ lý số: 38/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2020 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".* Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 26 tháng 02 năm 2020.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1 . Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Kim L, sinh năm 1965; Trú tại: 56 LVC, Phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Đỗ Vũ Th, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1968; Trú tại: Khu phố P1, Phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị Kim L trình bày: Do có mối quan hệ tình thông gia nên vợ chồng ông Đỗ Vũ Th, bà Nguyễn Thị A vay của bà L 05 lần với tổng số tiền: 245.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 06/01/2018 đến ngày 06/01/2019 Âm lịch) sẽ trả dứt điểm nhưng vợ chồng ông Đỗ Vũ Th, bà Nguyễn Thị A trốn tránh, cố tình không trả. Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đỗ Vũ Th, bà Nguyễn Thị A phải trả một lần cho bà L số tiền vay là 245.000.000 đồng và tự nguyện tính lãi theo lãi suất 9%/ năm. Thời gian tính lãi từ ngày 06/01/2019 Âm lịch đến ngày xét xử ngày 12/02/2020 Dương lịch (ngày 19/01/2020 Âm lịch) là 01

năm 13 ngày, nhưng bà L chỉ yêu cầu tính lãi tròn thời gian 01 năm.

Bị đơn vợ chồng ông Đỗ Vũ Th, bà Nguyễn Thị A đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ Giấy triệu tập, thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại địa phương, trụ sở Tòa án và nơi cư trú nhưng bị đơn cố tình vắng mặt tại tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và sự tự nguyện yêu cầu về thời gian tính lãi cùng với mức lãi suất của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim L.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Đỗ Vũ Th, bà Nguyễn Thị A phải trả cho bà Bùi Thị Kim L tổng số tiền 267.050.000 đồng *(Hai trăm sáu mươi bảy triệu không trăm năm chục nghìn đồng)*. Trong đó, 245.000.000 đồng tiền gốc và 22.050.000 đồng tiền lãi (245.000.000 đồng x 09%/năm = 22.050.000 đồng) .

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên có Quyết định kháng nghị số: 01/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vợ chồng ông Đỗ Vũ Th và bà Nguyễn Thị A đều vắng mặt.
- Ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: giữ nguyên kháng nghị tại QĐ kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 26/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vợ chồng ông Đỗ Vũ Th và bà Nguyễn Thị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát: Xét 05 tờ giấy gốc do nguyên đơn cung cấp để chứng minh bị đơn nợ tiền đều có nội dung *"A mượn chị L"*, ký chữ *"A"* nhưng không ghi rõ họ và tên lót, không ghi địa chỉ của bị đơn, cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh chữ ký, chữ viết trên các giấy nợ trên là do bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1968 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu phố P1, phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên là người viết và vay tiền của bà L. Tại cấp sơ thẩm, bà L có cung cấp 01 bản photocopy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 02693 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 10/5/1998 cho ông Đỗ Vũ Th, tại phiên tòa phúc thẩm, bà L trình bày ông Th chỉ đưa cho bà bản photocopy Giấy này nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ lý do tại sao bà L có giấy này, mối liên hệ giữa việc bà A nào đó viết giấy nợ và việc ông Th đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà L để chứng minh ông Th có vay khoản tiền nào của bà L cũng như việc ông Th đưa giấy này để đảm bảo việc vay nợ của vợ ông là bà Nguyễn Thị A. Trên 05 tờ giấy bà L cung cấp không có chữ ký, chữ viết nào ghi tên ông Đỗ Vũ Th. Biên bản xác minh ngày 20/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T xác minh về họ tên, năm sinh và địa chỉ của bị đơn thì Công an Phường 9, thành phố T cung cấp: " Ông Đỗ Vũ Th, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1968 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu phố P1, phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên…" (bút lục số 31) cũng không đủ cơ sở khẳng định bà Nguyễn Thị A (là vợ của ông Đỗ Vũ Th) là người đã viết và ký vào 05 tờ giấy gốc mà bà L đã nộp cho Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ thủ tục nhưng không triệu tập được vợ chồng bị đơn đến tòa để hòa giải, đối chất với nguyên đơn. Cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ đã buộc bị đơn bà Nguyễn Thị A và buộc ông Th cùng trả nợ với bà A là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xâm phạm quyền lợi của các đương sự, tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được vì vậy có cơ sở chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí: do kháng nghị của Viện kiểm sát được chấp nhận, do đó nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi vụ án được tiếp tục giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS-ST ngày 12/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi vụ án được tiếp tục giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND tp T(2);
- CCTHADS tp T;
- P.GĐKT;
- VP-TNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Hà